

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN NHÀ CÀ MAU**

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN NHÀ CÀ MAU**

**Sửa đổi, bổ sung lần thứ I đã được Đại hội đồng cổ đông
thông qua ngày 26/5/2017**

Cà Mau, tháng 6 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung Điều, khoản vào Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của
Công ty cổ phần Đầu tư – Phát triển nhà Cà Mau.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2014 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 8 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;

Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 114 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 quy định về Quyền của cổ đông phổ thông;

Tại khoản 6, Điều 33 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư – Phát triển nhà Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/4/2016 quy định về Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát như sau: “*Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu...*”;

Qua Điều, khoản nêu trên, HĐQT nhận thấy những quy định chỉ mang tính chung chung, chưa thật sự cụ thể, rõ ràng và chưa phù hợp để áp dụng vào điều kiện thực tế trong hoạt động SXKD của công ty. Do đó, HĐQT kiến nghị Đại hội cổ đông xem xét bổ sung thêm Điều, khoản vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Cụ thể như sau:

- Tại khoản 6, Điều 33 Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát bổ sung thêm ý là “*Hàng quý, hàng năm, khi có đề nghị đột xuất của HĐQT bằng văn bản (thông báo, công văn...), Ban kiểm soát sẽ có trách nhiệm báo cáo kết quả việc giám sát, kiểm tra hoạt động của HĐQT, BGD; văn bản ban hành của công ty và kế hoạch sắp tới*”

- Bổ sung thêm Điều 158 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 quy định về Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

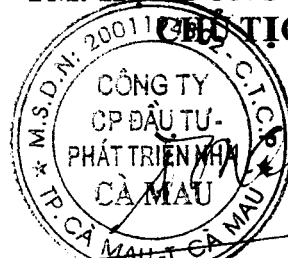
Việc bổ sung vào các Điều, khoản nêu trên là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế, lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vì qua các báo cáo định kỳ của Ban kiểm soát sẽ giúp HĐQT, Ban điều hành kịp thời chấn chỉnh những mặt còn thiếu sót, phát huy những mặt mạnh đã đạt được để đưa Công ty ngày càng phát triển bền vững. Bên cạnh đó, báo cáo định kỳ của BKS cũng giúp cho cổ đông nắm được thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để từ đó cổ đông có thể an tâm trong việc đầu tư mua cổ phiếu của mình.

Trên đây là nội dung bổ sung vào Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.
Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua. / *KL*

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Ban giám đốc;
- Trưởng ban kiểm soát (đề biết);
- Lưu thư ký HĐQT, HC-NS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tô Quang Phúc

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ...	
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 6. Cổ phiếu.....	9
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 9. Thu hồi cổ phần	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	12
Điều 11. Quyền của cổ đông	12
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 25. Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của HĐQT, Giám đốc	31
VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	31
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 29. Cán bộ quản lý	32
Điều 30. Quyền hạn nghĩa vụ của Giám đốc	32
Điều 31. Thư ký Công ty	33
IX. BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát	33
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	34
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC ...	
Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng	35
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	35
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	36
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	37
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn	38
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
Điều 39. Phân phối lợi nhuận	38
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	39
Điều 40. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 41. Năm tài chính	39
Điều 42. Chế độ kế toán	39
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	40

Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	40
Điều 44. Báo cáo thường niên.....	40
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 45. Kiểm toán	40
XVII. CON DẤU	41
Điều 46. Con dấu.....	41
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	41
Điều 47. Chấm dứt hoạt động	41
Điều 48. Gia hạn hoạt động.....	42
Điều 49. Thanh lý.....	42
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	42
Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	43
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	43
Điều 52. Ngày hiệu lực.....	43
Chữ ký các thành viên Hội đồng quản trị	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ chủ trương của Tỉnh ủy Cà Mau tại Thông báo số 357-TB/TU ngày 14/01/2015 về việc chuyển nguồn vốn, tài sản và thành lập mới doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số: 314/UBND-KT ngày 22/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thực hiện chủ trương cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Công văn số: 2687/UBND-KT ngày 29/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc tiếp nhận tài sản, bộ máy con người và tái cơ cấu Công ty cổ phần Phát triển nhà Minh Hải;

Căn cứ Quyết định số: 737/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao vốn nhà nước bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số: 2787/UBND-NC ngày 03/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về phương án tổ chức, nhân sự Công ty cổ phần Đầu tư - Phát triển nhà Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số: 765/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Đề án góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư - Phát triển nhà Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số: 851/QĐ-UBND ngày 23/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số: 765/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2001194802 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp cho Công ty CP Đầu tư - Phát triển nhà Cà Mau ngày 06 tháng 7 năm 2015;

Căn cứ Công văn số: 3644/UBND-KT ngày 14/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc kiến nghị của Quỹ Đầu tư phát triển liên quan đến Công ty cổ phần Phát triển nhà Minh Hải;

Căn cứ Quyết định số: 71/QĐ-PTN ngày 15/7/2015 của Tổng Giám đốc Công ty CP Phát triển nhà Minh Hải về việc giải thể Công ty CP Phát triển nhà Minh Hải;

Căn cứ Quyết định số: 1616/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty cổ phần Phát triển nhà Minh Hải;

Căn cứ Quyết định số: 1989/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư - Phát triển nhà Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số: 04/QĐ-HĐQLQ ngày 06/4/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ về việc cử người đại diện phần góp vốn của Quỹ Đầu tư phát triển tại Công ty cổ phần Đầu tư - Phát triển nhà Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số: 03/NQ-HĐQT-ĐTPTN ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển nhà Cà Mau về Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

Bổ sung Điều, khoản vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư – Phát triển nhà Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 5 năm 2017.

Điều lệ này là cơ sở Pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư – Phát triển nhà Cà Mau. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị công ty khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với Pháp luật. Điều lệ này sẽ là những quy tắc, quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý của công ty.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty"

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/ 2014/ QH13 được Quốc hội thông qua vào ngày 26/11/ 2014

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;

d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc điều hành, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

đ. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

e. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

g. "Việt Nam" là Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

h. "Công ty" là Công ty cổ phần Đầu tư - Phát triển nhà Cà Mau.

2. Trong Điều lệ này, có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

5. Quy định viết tắt:

- HĐQT : Hội đồng quản trị
- ĐHDCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- BKS : Ban kiểm soát
- UBCK : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- HĐLĐ : Hợp đồng lao động
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- CNV : Công nhân viên.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - PHÁT TRIỂN NHÀ CÀ MAU**

- Tên tiếng Anh: **CA MAU HOUSING DEVELOPMENT - INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - PHÁT TRIỂN NHÀ CÀ MAU**

- Tên giao dịch viết tắt: **CM HOUSE CO**

- Logo:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: số 07, đường Lạc Long Quân, Phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

- Điện thoại: 02903.831245;

- Fax: 02903.830980

- E-mail: camauhouse1@gmail.com

- Website: dtphattriennhacamau.vn

4. Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Khoản 2 Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm, kể từ ngày thành lập 06 tháng 7 năm 2015.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông;

- Hoàn thành mọi nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển tỉnh nhà.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà ở, cao ốc văn phòng, cho thuê kho bãi).

- Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh các công trình: Hạ tầng kỹ thuật đô thị, các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; khu dân cư, nhà hàng, khách sạn, chợ, siêu thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT), Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC).

- Xây dựng công trình công ích.

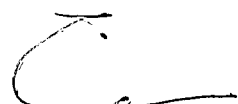
- Xây dựng nhà các loại (thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp).

- Thi công xây dựng công trình đường bộ (thi công xây dựng các công trình giao thông).

- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình: Tư vấn quản lý dự án, tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật - dự toán, tư vấn giám sát công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp giao thông, tư vấn tài chính, tư vấn lựa chọn nhà thầu.

- Chuẩn bị mặt bằng (san lấp mặt bằng).

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (sàn giao dịch bất động sản).



- Kinh doanh những ngành nghề khác mà Pháp luật không cấm và phù hợp với định hướng, điều phối của Công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này...

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ :

- Vốn điều lệ: 58.595.000.000 đồng (năm mươi tám tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu đồng).

- Tổng số cổ phần: 5.859.500 cổ phần.

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

- Số cổ phần, loại cổ phần cổ đông sáng lập đã mua: 5.859.500 cổ phần phổ thông.

Cổ đông sáng lập công ty và vốn góp (đăng ký và đã mua)

Số TT	Tên cổ đông sáng lập	Vốn góp					Thời điểm góp vốn
		Tổng số cổ phần		Sở hữu, tỷ lệ %	Loại cổ phần phổ thông		
		Số lượng	Giá trị (VNĐ)		Số lượng	Giá trị (VNĐ)	
1	Đại diện Quỹ Đầu tư và phát triển tỉnh Cà Mau						
	TÔ QUANG PHÚC	2.850.000	28.500.000.000	48,64	28.500.000	28.500.000.000	4/2016
	HUYỀN THẾ GIỚI	1.710.000	17.100.000.000	29,18	17.100.000	17.100.000.000	4/2016
	LÊ QUỐC MỸ	1.140.000	11.400.000.000	19,46	11.400.000	11.400.000.000	4/2016
2	Đại diện người lao động						
	TRẦN ĐỒNG TƯ	139.500	1.395.000.000	2,38	139.500	1.395.000.000	4/2016
3	NGUYỄN DƯ PHƯƠNG	10.000	100.000.000	Cá nhân 0,17	10.000	100.000.000	6/2015
4	TÔ HỒNG NGỌC	10.000	100.000.000	Cá nhân 0,17	10.000	100.000.000	6/2015
	TỔNG CỘNG	5.859.500	58.595.000.000	100	5.859.500	58.595.000.000	

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần chi phối. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- đ) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);
- g) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- h) Các nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại



diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ này có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.

4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá cổ tức được chia một năm/một cổ phần) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc điều hành.



VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3, Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân

dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

4. Trường hợp Điều lệ này không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.



Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp Điều lệ này không quy định khác, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm

soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

b. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;

